

Số: 8496 /BC-TTCH

Đồng Nai, ngày 10 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO NHANH
Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 09/10/2021

I. Tình hình dịch bệnh

1. Số ca mắc:

		Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
Số ca mắc		660	Tăng (14,2%)	55.029
Đang điều trị (14.744)	<i>Tầng 3</i>	13	Tăng (18,2%)	145
	<i>Tầng 2</i>	338	Giảm (23,0%)	5.123
	<i>Tầng 1</i>	348	Giảm (42,8%)	5.073
	<i>Khác</i>			4.403
Khỏi bệnh*		560	Giảm (6,4%)	39.793
Tử vong*		09	-	501

*Số khỏi bệnh, tử vong báo cáo theo danh sách cấp giấy ra viện và bệnh án tử vong trong ngày.

2. Tình hình xét nghiệm:

	Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
Số xét nghiệm thực hiện	16.535	Giảm (33,4%)	3.208.997
Dương tính	1.875 (660 ca mới, 1.215 theo dõi điều trị)	Giảm (16,9%)	128.667
Âm tính	14.549	Giảm (34,9%)	3.059.107

- 06 cơ sở xét nghiệm khẳng định trên địa bàn tỉnh: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, BVĐK Đồng Nai, BVĐK Thống Nhất, BV Quốc tế Đồng Nai, BVĐKKV Long Khánh, PKĐK An Phúc Sài Gòn.

- 04 phòng xét nghiệm được phép thực hiện xét nghiệm sàng lọc vi rút SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR: BV Nhi đồng Đồng Nai, PKĐK Quốc tế Stry Mỹ, PKĐK Dân Y Biên Hòa, PKĐK Ái Nghĩa Nhơn Trạch..

- Trong ngày có 1.875/16.535 mẫu xét nghiệm dương tính với SARS-CoV-2, chiếm tỉ lệ 11,3%.

3. Tình hình cách ly, theo dõi sức khỏe:

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	254	8.309	26.637	34.946
Cách ly tại nhà	483	16.996	56.594	73.590
Theo dõi sức khỏe	398	8.032	21.794	29.826

Trong ngày: 204 F1 (cộng dồn 23.293), 60 F2 (cộng dồn 32.630)

4. Tình hình lao động nước ngoài nhập cảnh cách ly trên địa bàn tỉnh:

- Cộng dồn: 1.714 trường hợp
- Đang thực hiện cách ly: 25 trường hợp
- Đã hoàn thành cách ly: 1.689 trường hợp

Trong đó: ghi nhận 03 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2 (quốc tịch Ấn Độ) được cách ly ngay sau khi nhập cảnh; 34 trường hợp nhập cảnh trái phép (quốc tịch Trung Quốc).

5. Tình hình phòng, chống dịch tại các doanh nghiệp trong KCN

- Ca F0 trong ngày: 02 ca, lũy kế 2.310 ca F0/154.699 tổng số LĐ Doanh nghiệp thực hiện 3T.
- DN có F0 trong ngày: 02 DN; Lũy kế DN 3T có F0: 85/1.176 tổng số DN thực hiện 3T. Chi tiết Doanh nghiệp có ca nhiễm như sau:
 - + Công ty TNHH KIẾN HẰNG – KCN Biên Hòa II: 01 ca F0 chuyển từ F1.
 - + Công ty TNHH Vina Melt Technos - KCN Amata: 01 ca F0 chuyển từ F1.
- Điều trị khỏi: 1.683 /2.310 ca F0 của doanh nghiệp thực hiện 3T, chiếm 72,86%
- Đang điều trị: 628 ca, chiếm 27,19%.

II. Các hoạt động đã triển khai thực hiện

1. Thu dung, điều trị:

a) Ca bệnh ghi nhận trên địa bàn tỉnh

- Ca mắc tại cộng đồng: 55.001 ca
- Ca mắc cách ly ngay sau khi nhập cảnh: 28 ca

b) Tình hình điều trị trên địa bàn tỉnh

- Trong ngày, 560 bệnh nhân được xác nhận điều trị khỏi, xuất viện, bàn giao về địa phương tiếp tục theo dõi sức khỏe theo quy định; 09 ca bệnh tử vong do COVID-19.

- 104 ca là phụ nữ đang mang thai, 2.683 ca dưới 18 tuổi, 388 ca trên 65 tuổi và có bệnh lý nền.

- 29 ca bệnh diễn tiến nguy kịch (suy hô hấp cấp tiến triển (ARDS), suy đa tạng, sốc nhiễm trùng,...);

- + 28 ca thở máy xâm lấn
- + 01 ECMO
- 300 ca bệnh có diễn tiến nặng (viêm phổi nặng);
- 2.980 ca có triệu chứng nhẹ-trung bình, 6.975 ca không triệu chứng.

c) Phân tầng điều trị

- Số giường cách ly theo dõi F0 không triệu chứng do các huyện/TP quản lý (Tầng 1): 14.690 giường (trống 7.071 giường).

- Số giường Bệnh viện dã chiến (Tầng 2): 8.964 giường (trống 3.613 giường)

- Số giường Hồi sức tích cực (Tầng 3): 410 giường (trống 256 giường)

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

2. Hoạt động cách ly theo dõi, giám sát đối tượng:

- Chuyển các ca dương tính có triệu chứng mới ghi nhận trong ngày về các Bệnh viện dã chiến điều trị; tiếp tục điều tra, truy vết các trường hợp liên quan để đưa vào diện cách ly, lấy mẫu, quản lý theo quy định;

- Các ca dương tính không triệu chứng, nguy cơ thấp được quản lý theo dõi tại các khu cách ly theo dõi y tế F0 của các huyện, thành phố;

- 660 ca bệnh mới ghi nhận trên địa bàn tỉnh có 05 ca sàng lọc trong cộng đồng, 107 ca trong khu phong tỏa và 548 ca trong khu cách ly. Trong đó:

+ 05 ca trong cộng đồng tại Biên Hòa (03), Long Thành (01), Thống Nhất (01). Cụ thể:

- 01 ca ngụ tại khu phố Thiên Bình, phường Tam Phước Biên Hòa. Ngày 08/10 đưa vợ đi sinh tại BVĐK Thống Nhất, thực hiện test nhanh tại bệnh viện có kết quả dương tính, vợ âm tính. Tiến hành điều tra, truy vết thực hiện xét nghiệm khu vực nhà trọ kết quả test nhanh đều âm tính. Chưa rõ nguồn lây.
- 01 ca ngụ tại khu phố 3, phường Tân Phong, Biên Hòa. Phát hiện qua xét nghiệm sàng lọc cộng đồng vùng nguy cơ. Đang điều tra dịch tễ.
- 01 ca ngụ tại khu phố 9, phường Tân Phong, Biên Hòa. Phát hiện qua xét nghiệm sàng lọc cộng đồng vùng nguy cơ. Đang điều tra dịch tễ.
- 01 ca ngụ tại khu Cầu Xéo Chợ Mới, TT Long Thành, Long Thành. Liên quan đến trường hợp dương tính tại chợ Ông Hảo (Phước Thiên, Nhơn Trạch).
- 01 ca ngụ tại TT Dầu Giây, Thống Nhất. Đang điều tra dịch tễ.

+ 107 ca trong khu phong tỏa: Ghi nhận nhiều nhất tại phường Bửu Long (12) – Biên Hòa; Hiệp Phước (15) – Nhơn Trạch; Sông Trầu (37) – Trảng Bom.

- Hiện còn 65 trường hợp test nhanh đang chờ kết quả khẳng định bằng phương pháp Realtime RT-PCR tại Trảng Bom (34), Vĩnh Cửu (31); các phòng xét nghiệm ghi nhận 111 mẫu nghi ngờ, gộp dương chờ kết quả khẳng định.

- Điều tra, truy vết và chuyển cách ly tập trung các đối tượng nguy cơ, trong đó: Biên Hòa 159 (45 trường hợp test nhanh dương tính), Nhơn Trạch 62, Trảng Bom 25 (04 trường hợp test nhanh dương tính), Long Khánh 04, Định Quán 03;

- Ban chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách đối tượng hoàn thành cách ly, bàn giao những trường hợp đã thực hiện đủ thời gian cách ly 14 ngày và có kết quả xét nghiệm tối thiểu 03 lần âm tính với SARS-CoV-2 tại các cơ sở cách ly tập trung trên địa bàn tỉnh về địa phương tiếp tục theo dõi sức khỏe.

3. Hoạt động kiểm dịch y tế:

- Kiểm dịch cảng trong ngày: 01 tàu, 18 người

- Cộng dồn: 1.164 tàu, 21.742 người

(Đã ghi nhận: 03 trường hợp thuyền viên quốc tịch Philippin dương tính)

4. Hoạt động tiêm chủng vắc xin ngừa COVID-19:

Cơ bản hoàn thành tiêm chủng Đợt 1-8, đang triển khai Đợt 9, 10, 11, 12, 13

- **Tổng số tiêm trong ngày: 117.981 liều.**

Trong đó: Mũi 1: 39.142 người; Mũi 2: 78.839 người.

- Số liều vắc xin còn lại: 607.433 liều.

Đến hiện tại, trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tiêm **2.863.404 liều** vắc xin COVID-19 cho **2.317.351 người** (chiếm tỉ lệ **102,81%** đối tượng trên 18 tuổi toàn tỉnh), trong đó có **546.053 người** đã tiêm đủ liều (chiếm tỉ lệ **24,23%**).

5. Các hoạt động khác:

- Duy trì hệ thống giám sát bệnh truyền nhiễm trên địa bàn tỉnh;

- UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 08/10/2021 về việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 và từng bước phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch số 11805/KH-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 về việc Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19;

- Ngành công an chủ trì, phối hợp ngành y tế và các ban ngành liên quan thực hiện Kế hoạch số 5990/PA-UBND ngày 01/6/2021 và Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 về việc triển khai lực lượng kiểm soát, phòng, chống dịch bệnh COVID-19 từ các tỉnh, thành phố khác đến địa bàn tỉnh Đồng Nai, bao gồm: 10 chốt kiểm soát cấp tỉnh (bao gồm 08 chốt đường bộ và 02 chốt đường thủy) và 12 chốt kiểm soát cấp huyện, Thực hiện khai báo y tế, kiểm tra thân nhiệt và đeo khẩu trang đối với 100% người và phương tiện, Đồng thời triển khai thực hiện Công văn số 1294/CAT-PA03 ngày 01/5/2021 về việc tăng cường kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm quy định phòng chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh;

III. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

1. Nhận định tình hình dịch bệnh

- Trong ngày ghi nhận 05 ca nhiễm nhỏ lẻ trong cộng đồng rải rác tại Biên Hòa (03), Long Thành (01), Thống Nhất (01).
- Ghi nhận 107 ca trong khu phong tỏa nhiều nhất tại phường Bửu Long (12) – Biên Hòa; Hiệp Phước (15) – Nhơn Trạch; Sông Trầu (37) – Trảng Bom
- Tỷ lệ bao phủ mũi 1 vắc xin cho người trưởng thành trên địa bàn tỉnh đạt 102,81%, mũi 2 là 24,23%. (Tỷ lệ trên 100% do bao gồm các trường hợp ngoại tỉnh hiện đang sinh sống, làm việc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được tiêm vắc xin tại tỉnh)

IV. Kiến nghị

- Thực hiện Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 08/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 và từng bước phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
- Các sở, ngành, địa phương tăng cường triển khai thực hiện Kế hoạch số 11805/KH-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 về việc Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh.
- Đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng nhằm sớm nhất đạt mục tiêu 100% người dân toàn tỉnh được tiêm đủ liều vắc xin phòng COVID-19.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lây nhiễm chéo tại các khu cách ly tập trung, bệnh viện.
- Theo dõi sức khỏe tại địa phương đối với các trường hợp có lịch sử di chuyển đi khám, chữa bệnh tại các bệnh viện về.
- Tăng cường xét nghiệm, tầm soát, kiểm soát chặt nguồn lây từ bên ngoài ở các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh.

Trên đây là báo cáo nhanh công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

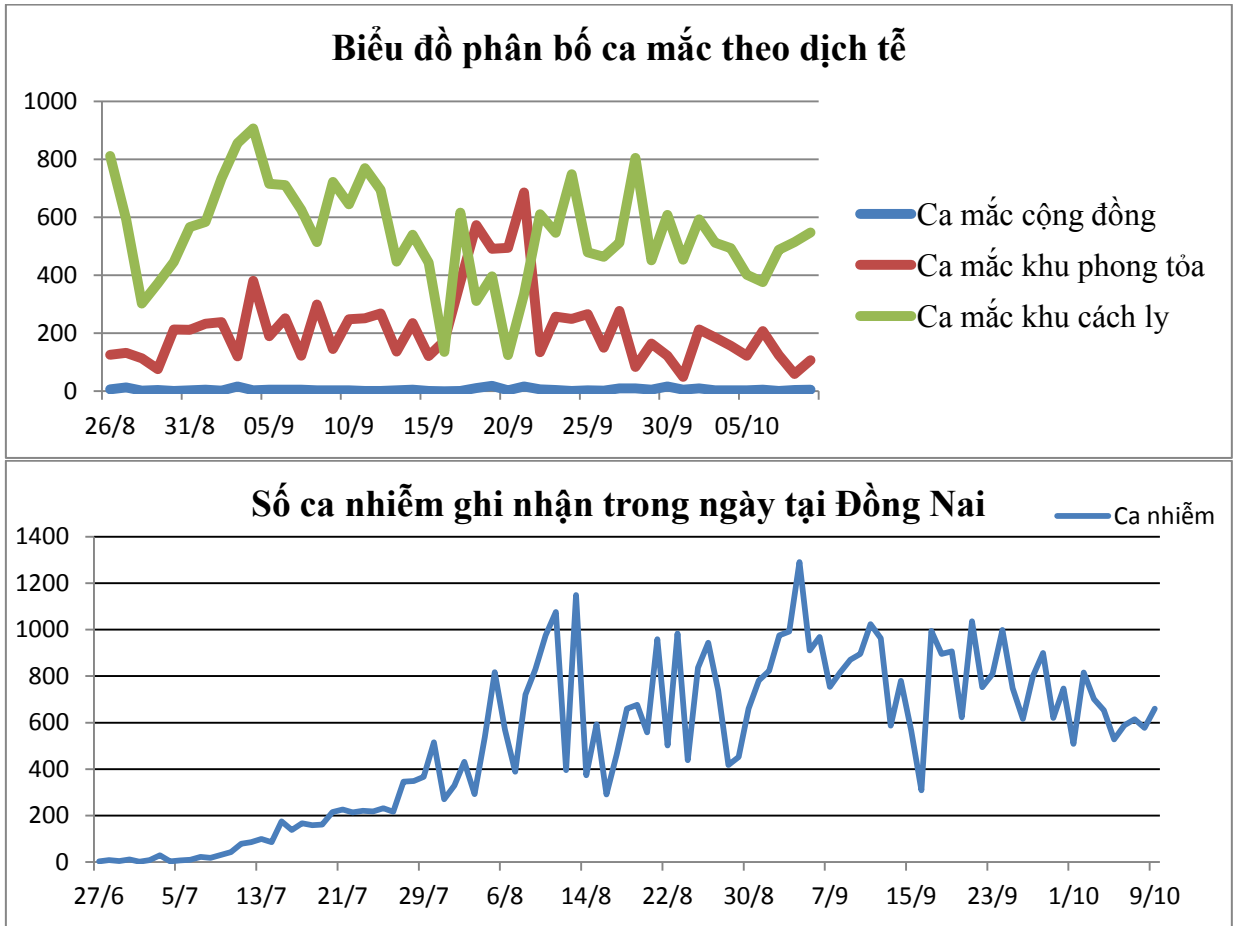
- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

**KT. CHỈ HUY TRƯỞNG
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Phan Huy Anh Vũ**

Phụ lục 1: Số ca mắc từ ngày 27/4 đến nay (đợt dịch thứ 4)

STT	Xã/phường	Trong ngày					Lũy kế
		Số ca nhiễm mới	Tăng/giảm	Cộng đồng	CLTT	Khu phong tỏa	
1	Biên Hòa	301	-2,9%	3	273	25	23.562
2	Nhon Trạch	186	1,6%	0	171	15	13.375
3	Vĩnh Cửu	48	336,4%	0	37	11	9.981
4	Trảng Bom	94	754,5%	0	46	48	4.765
5	Long Thành	13	225,0%	1	7	5	1.090
6	Thống Nhất	3	-50,0%	1	1	1	563
7	Long Khánh	4	0,0%	0	4	0	350
8	Xuân Lộc	1		0	1	0	318
9	Định Quán	3	-70,0%	0	1	2	271
10	Cẩm Mỹ	7	600,0%	0	7	0	259
11	Tân Phú	0	-100,0%	0	0	0	122
12	Ngoại tỉnh, khác	0	-100,0%	0	0	0	341
Tổng cộng		660	14,2	5	548	107	54.997



Phụ lục 2: Theo dõi ca nhiễm trong ngày

STT	Huyện	Trong ngày (ca trong nước)							
		Tổng số Ca Mắc mới trong ngày	Sàng lọc tại cơ sở y tế	Số ca trong Khu Cách Ly	Số ca trong Khu Phong Tỏa	Sàng lọc cộng đồng			Số ca Chưa rõ nguồn lây
						Tổng	Trong đó		
						Cộng Đồng	Khu nhà trọ		
NGUY CƠ RẤT CAO (VÙNG ĐỎ) (06)									
1	Biên Hòa	31	0	30	1	0			
1.1	<i>Tam Hiệp</i>	10		9	1				
1.2	<i>Tân Hòa</i>	21		21					
1.3	<i>Thống Nhất</i>	0							
2	Nhơn Trạch	160	0	145	15	0			
2.1	<i>Hiệp Phước</i>	160		145	15				
3	Tân Phú	0	0	0	0	0	0		
3.1	<i>Phú Lâm</i>	0							
4	Vĩnh Cửu	37	0	31	6	0			
4.1	<i>Thạnh Phú</i>	37		31	6				
NGUY CƠ CAO (VÙNG CAM) (17)									
1	Biên Hòa	150	1	144	3	2			
1.1	<i>An Bình</i>	36		34	2				
1.2	<i>Bửu Hòa</i>	11		11					
1.3	<i>Quang Vinh</i>	5		5					
1.4	<i>Tam Phước</i>	31	1	30					
1.5	<i>Tân Biên</i>	3		2	1				
1.6	<i>Tân Phong</i>	47		45		2	2		
1.7	<i>Tân Vạn</i>	1		1					
1.8	<i>Trảng Dài</i>	16		16					

2	Nhon Trạch	21	0	21	0	0			
2.1	<i>Phước Thiện</i>	21		21					
3	Tân Phú	0	0	0	0	0			
3.1	<i>Phú Thanh</i>	0							
4	Trảng Bom	35	0	31	4	0			
4.1	<i>Bắc Sơn</i>	15		15					
4.2	<i>Hố Nai 3</i>	20		16	4				
4.3	<i>Sông Trầu</i>	41		4	37				
4.4	<i>Thanh Bình</i>	0							
5	Vĩnh Cửu	8	0	6	2	0			
5.1	<i>Thiện Tân</i>	3		3					
5.2	<i>Vĩnh An</i>	0							
5.3	<i>Vĩnh Tân</i>	5		3	2				
NGUY CƠ (VÙNG VÀNG) (27)									
1	Biên Hòa	90	0	81	9	0			
1.1	<i>Bình Đa</i>	4		4					
1.2	<i>Hố Nai</i>	46		38	8				
1.3	<i>Hóa An</i>	0							
1.4	<i>Long Bình</i>	29		29					
1.5	<i>Long Bình Tân</i>	6		6					
1.6	<i>Phước Tân</i>	0							
1.7	<i>Tân Hiệp</i>	4		4					
1.8	<i>Tân Mai</i>	0							
1.9	<i>Trung Dũng</i>	1			1				
2	Cẩm Mỹ	1	0	1	0	0			
2.1	<i>Sông Ray</i>	1		1					
2.2	<i>Xuân Đông</i>	6		6					
2.3	<i>Xuân Tây</i>	0							
3	Long Khánh	2	0	2	0	0			

3.1	<i>Suối Tre</i>	2		2					
4	Long Thành	5	1	0	4	0			
4.1	<i>An Phước</i>	4			4				
4.2	<i>Bình Sơn</i>	0							
4.3	<i>Tam An</i>	0							
4.4	<i>TT. Long Thành</i>	1	1						
5	Nhơn Trạch	2	0	2	0	0			
5.1	<i>Đại Phước</i>	1		1					
5.2	<i>Phú Hội</i>	1		1					
6	Thống Nhất	2	1	0	1	0			
6.1	<i>Gia Tân 1</i>	0							
6.2	<i>TT Dầu Giây</i>	2	1		1				
7	Trảng Bom	18	0	11	7	0			
7.1	<i>Bình Minh</i>	1		1					
7.2	<i>Quảng Tiến</i>	7		6	1				
7.3	<i>TT Trảng Bom</i>	10		4	6				
8	Vĩnh Cửu	0	0	0	0	0			
8.1	<i>Bình Lợi</i>	0							
8.2	<i>Phú Lý</i>	0							
9	Xuân Lộc	1	0	1	0	0			
9.1	<i>Xuân Hòa</i>	1		1					

BÌNH THƯỜNG MỚI (VÙNG XANH) (120)

1	Biên Hòa (10)								
1.1	<i>An Hòa</i>			12					
1.2	<i>Bửu Long</i>			1	12				
1.3	<i>Quyết Thắng</i>			2					
1.4	<i>Tam Hòa</i>			1					
1.5	<i>Thanh Bình</i>			2					
2	Cẩm Mỹ (10)								

3	Định Quán (14)								
3.1	<i>Suối Nho</i>			1					
3.2	<i>Thanh Sơn</i>				2				
4	Long Khánh (14)								
4.1	<i>Bình Lộc</i>			2					
5	Long Thành (10)								
5.1	<i>Bàu Cạn</i>				1				
5.2	<i>Phước Thái</i>			7					
6	Nhơn Trạch (08)								
6.1	<i>Vĩnh Thanh</i>			3					
7	Tân Phú (16)								
8	Thống Nhất (08)								
8.1	<i>Hưng Lộc</i>			1					
9	Trảng Bom (10)								
10	Vĩnh Cửu (06)								
	<i>Tân Bình</i>				3				
11	Xuân Lộc (14)								

Phụ lục 3: Ca bệnh tử vong do COVID-19 ghi nhận trong ngày

S T T	Họ Tên	Năm sinh		Nơi ghi nhận	Địa chỉ	Ngày tử vong	Nguyên nhân tử vong
		Nam	Nữ				
01	T.T.N.B		1989	BVDK TN	Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch	05-10-21	Tử vong do suy hô hấp cấp nặng/SARS-CoV trên nền tăng huyết áp, rối loạn chuyển hóa lipid trên bệnh nhân béo phì
02	C.H.V	1938		BVDK TN	quận 9, TP HCM	06-10-21	Tử vong do suy hô hấp cấp nặng/SAR-COV-2
03	Đ.T.H		1959	BVDK TN	An Chu, Bắc Sơn, Trảng Bom	06-10-21	viêm phổi nguy kịch do SARS-CoV-2 biến chứng ARDS, đái tháo đường type 2 tăng huyết áp

S T T	Họ Tên	Năm sinh		Nơi ghi nhận	Địa chỉ	Ngày tử vong	Nguyên nhân tử vong
		Nam	Nữ				
04	M.T.T		1965	BV DKKV LK	Khu Phố 8, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa	10/7/20 21	ARDS nặng / Viêm phổi nặng/ COVID 19 mức độ nguy kịch ngày 18.
05	P.T.H	1942		BVDK TN	Tân Vạn, Biên Hòa	10/8/20 21	- Bệnh COVID-19/ Viêm phổi mức độ nguy kịch - Suy đa cơ quan - Tàn khí màng phổi 2 bên/ ĐTĐ Type 2 - móm cụt đùi T.
06	H.K.S		1952	BVDK TN	Hiệp Hòa, Biên Hòa	10/8/20 21	Bệnh COVID-19 / Viêm phổi mức độ nguy kịch biến chứng ARDS - Suy đa cơ quan/ THA - ĐTĐ Type 2
07	B.M.H	1967		KCL Long Thành	Phước Thái, Long Thành	10/9/20 21	TD nhồi máu cơ tim/ nhiễm SARS-COV-2 – Tăng huyết áp – Thiếu máu cục bộ cơ tim
08	T.T.T		1931	BVDK TN	Thị Trán Hiệp Phước, Nhơn Trạch	10/8/20 21	viêm phổi nguy kịch do SARS-CoV-2, nhiễm trùng huyết, suy đa cơ quan, nhồi máu cơ tim cấp ST chênh lên/ bệnh mạch vành mạn
09	N.T.T.L		1942	BVDK TN	Khu Phố 1, Tân Hòa, Biên Hòa	10/8/20 21	Viêm phổi mức độ nguy kịch do SARS-CoV-2/ COPD – Tăng huyết áp.

Phụ lục 4: Tiến độ tiêm ngừa vắc xin COVID-19 trên địa bàn tỉnh

	Tổng tiêm	Mũi 1	Mũi 2	PU' nhẹ	PU' nặng	Số liều KH	Thực nhận	Tỉ lệ hoàn thành
Đợt 1	20.376	20.376	0	7.407	4	17.450	17.450	116,77%
Đợt 2	35.525	35.271	254	8.152	8	29.980	29.980	118,50%
Đợt 3	24.918	5.793	19.125	1.548	4	21.000	21.000	118,66%
Đợt 4	344.710	298.413	46.297	1.901	8	316.160	316.160	109,03%
Đợt 5	173.050	146.522	26.528	2.188	0	157.000	157.000	110,22%
Đợt 6	279.507	276.914	2.593	9	0	265.210	265.210	105,39%
Đợt 7	675.185	673.897	1.288	6.781	0	687.458	687.458	98,21%
Đợt 8	315.243	301.040	14.203	428	0	307.250	307.250	102,60%
Đợt 9	356.207	15.461	340.746	0	0	512.500	412.500	69,50%
Đợt 10	104.936	13.573	91.363	96	0	170.760	170.760	61,45%
Đợt 11	207.701	207.551	150	526	0	207.340	207.340	100,17%
Đợt 12	326.046	322.540	3.506	230	1	500.000	500.000	65,21%
Đợt 13	0					299.450	299.450	0,00%
Tổng cộng	2.863.404	2.317.351	546.053	29.266	25	3.491.558	3.391.558	82,01%

Phụ lục 5: Tình hình điều trị F0 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Tử vong trong ngày (24h)	Số ca đang điều trị	Cộng dồn			Số ca đang điều trị, trong đó					Phụ nữ có thai	BN < 18 tuổi	< 65 tuổi và không có bệnh lý nền	> 65 tuổi và có bệnh lý nền	Khả năng còn tiếp nhận	
									Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Có triệu chứng (ho, sốt, đau họng...)						Không triệu chứng
													Không xâm lấn (CPAP)	Xâm lấn								
TẦNG 3																						
1	BVĐN/ HSTC	40	40	0	0	0	0	23		156		4		11	8						17	
2	BVTN/TTHSTC	400	200	7	1	5	2	89	176	216	45	17	4	18	23			3	3	64	25	111
3	BVĐKKVLK/HSTC	100	40	4	1	0	0	18	56	38	30	3	0	0	15	0	0	0	1	8	3	22
4	BVĐKKVLT	100	100	2	0	0	0	13	70	34	0	1	12	0	0	0	0	0	0	12	1	87
5	BV Nhi ĐN	20	10					0		1												
6	BV Định Quán	60	11	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11
9	BV Đồng Nai 2	10	2	0	0	0	0	2	120	0	291	0	0	0	2	2	0	0	0	1	1	8
Tổng cộng (tầng 3)		730	403	13	2	5	2	145	423	445	366	25	16	29	48	2	0	3	4	85	30	256
TẦNG 2																						
1	Bệnh viện dã chiến số 1	350	285	7	10	0	0	138	24	2	1335	2	0	0	0	64	74	2	30	104	2	147
2	Bệnh viện dã chiến số 2	350	370	7	10	1	0	361	93	0	1233	0	0	0	6	150	70	8	75	156	17	10
3	Bệnh viện dã chiến số 3	550	500	1	0	0	0	468	69	0	2126	0	0	0	18	17	451	14	102	450	100	32
4	Bệnh viện dã chiến số 4	360	345	45	0	0	0	322	62	0	1686	0	0	0	1	39	283	0	91	301	3	23
5	Bệnh viện dã chiến số 5	300	316	48	0	0	0	197	41	0	1126	0	0	0	0	24	173	2	64	190	2	
6	Bệnh viện dã chiến số 6	1200	1090	18	51	0	0	514	110	0	4721	0	0	0	10	153	351	7	110	465	17	496
7	Bệnh viện dã chiến số 7	730	700	121	57	3	0	642	136	1	3552	0	0	0	14	297	331	12	180	406	44	58
8	Bệnh viện dã chiến số 8	650	635	3		1	0	623	43	0	1815	0	0	0	18	169	436	5	143	468	12	12
9	Bệnh viện dã chiến số 9	1000	662	32	62	0	0	487	23	0	1856	0	0	0	4	286	197	4	138	432	1	175
10	Bệnh viện dã chiến số 10	850	807	29	68	1	0	610	69	0	2599	0	0	0	29	248	362	3	152	441	17	197
11	Bệnh viện dã chiến số 11	3000	2590	0	0	2	0	285	11	0	171	0	0	0	2	205	80	3	64	194	7	100

12	Bệnh viện Da liễu	150	150	1	14	0	0	63	23	0	613	0	0	0	2	31	32	0	1	55	0	
13	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	150	74	5	3	0	0	51	114	14	273	0	0	0	25	30	10	1	1	10	16	23
14	Bệnh viện Nhi đồng	110	60	3	5	0	0	55						0	37	18		32	22	1	0	
15	Bệnh viện ĐKKV Long Thành	150	150	0	1	0	0	20	0	0	173	0	0	0	1	14	4	0	2	16	2	130
16	Bệnh viện ĐKKV Định Quán	60	30	0	0	0	0	7	7	0	21	0	0	0	2	4	3	0	0	0	2	23
17	Bệnh viện Phổi	60	11	0	0	0	0	2	0	5	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	
18	Bệnh viện Đồng Nai 2	40	103	3	6	0	0	103	120	0	291	0	0	0	2	18	83	0	15	67	21	0
19	Bệnh viện ĐH Y Dược Shing Mark	35	35	12	5	1	0	88	134	0	139	0	0	0	0	54	34	0	0	15	0	0
20	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu	20	65	0	3	0	0	43	27	1	148	0	0	0	0	29	14	1	13	26	3	22
21	Khoa Nhiệt đới BVTN	12	17	3	2	0	0	21	17	0	44	0	0	0	5	18	3	0	1	5	4	0
22	Bệnh viện Tâm thần TW 2	400	200					23			30				2	2	19					
Tổng cộng (tầng 2)		10527	9195	338	297	9	0	5123	1123	23	23952	2	0	0	141	1889	3030	62	1214	3823	271	1448

TẦNG 1

1	Biên Hòa	4459	3916	137	235	44	0	2646	715	12	6228	0	0	0	8	704	1934	11	777	2483	59	894
2	Long Khánh	400	260	4	0	0	0	17	39	0	90	0	0	0	0	10	7	0	4	16	0	
3	Vĩnh Cửu	3393	3343	28	18	0	0	440	1421	3	6328	0	0	0	0	34	406	2	120	336	4	2599
4	Định Quán	100	89	5	0	0	0	13	42	0	78	0	0	0	0	9	4	1	2	9	0	
5	Tân Phú	60	60	1	0	0		36	44	0	4	0	0	0	0	0	36	0	6	30	0	24
6	Trảng Bom	876	876	19	43	1	0	311	1356	2	3231	0	0	0	0	4	307	2	113	195	1	456
7	Thống Nhất	130	140	3	0	2	0	6	92	0	15	0	0	0	0	0	6	0	0	6	0	135
8	Xuân Lộc																					
9	Cẩm Mỹ	500	200	0	0	1	0	59	7	0	33	0	0	0	1	28	30	0	12	45	0	141
10	Long Thành	250	250	12	7	0	0	95	40	0	818	0	0	0	0	0	95	0	27	66	2	155
11	Nhơn Trạch	3230	3010	139	213	2	1	1450	0	15	3808	0	0	0	30	300	1120	23	404	1025	21	1560
TỔNG CỘNG (Tầng 1)		13398	12144	348	516	50	1	5073	3756	32	20633	0	0	0	39	1089	3945	39	1465	4211	87	7071
TỔNG TẦNG (3+2+1)		24655	21742	699	815	64	3	10341	5302	500	44951	27	16	29	228	2980	6975	104	2683	8119	388	8775